

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/04/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	420	VSP01+CLO+P8	7.25	5+13+2	0+0+0		5+13+4	0+0+0	
2	406	TTC3+P8+TD1	7.25	0+3+18	0+0+0		0+2+20	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ TTC3-P8
3	420	TD3+CTK3+P3	9.25	1+7+5	0+0+0		7+7+7	0+0+0	
4	406	P4+PPD+BK14	9.25	13+9+0	0+0+0		4+11+7	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2018	TO: VSP01 - CLO - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: CL PR I	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TU HIEN	VSP01	22	1	8	50	58	PSV	Vietnamese
2	LE VAN NGOC	VSP01	24	1	3		70	PSV	Vietnamese
3	PHAM HUY DAU	VSP01	21	1	3		68	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN DUC THUONG	VSP01	23	1	4		57	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TE	VSP01	25	1	2		73	PSV	Vietnamese
6	BUI DUC LUAN	CLO	78	1	4	40	79	KHOAN	Vietnamese
7	NIKOLAYEV G.M	CLO	73	1	10		75	KHOAN	Russian
8	SEREBROV	CLO	72	1	9		82	KHOAN	Russian
9	HOANG VAN TRUNG	CLO	81	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUY NAM	CLO	70	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN VINH	CLO	76	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC LY	CLO	80	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN DUOC	CLO	74	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐANG VAN ĐO	CLO	77	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
15	VÔ VĂN HÙNG	CLO	79	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO THANH LIEM	CLO	71	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
17	CAO VAN VIET	CLO	75	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	LE VIET KHANG	P8	76	1	2	35	60	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG HIEU	P8	77	1	9		61	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	5	5	20	326	50	5		
2	CLO	12	12	70	872	40	13		
3	P8	2	2	11	121	35	4		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>19</b>	<b>101</b>	<b>1.319</b>	<b>125</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>101</b>	<b>1.319</b>	<b>125</b>			

GRAND TOAL: 1.545 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2018	TO: TTC3 - P8 - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC NAM	P8	49	1	5		75	PSV	Vietnamese
2	TRAN MANH CUONG	P8	50	1	4	20	50	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DU	P8	05	1	7		65	PSV	Vietnamese
4	MIKHALICHENKO S.IA	TD1	19-20	2	15		100	KHOAN	Russian
5	NGUYEN VAN DUNG	TD1	16	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
6	LE TRONG LUONG	TD1	31	1	5	5	67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH THUY	TD1	15	1	5	73	64	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LANG	TD1	17	1	6	50	80	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGOC QUANG	TD1	33	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DUNG	TD1	18	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN NGUYEN	TD1	14	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MINH SON	TD1	21	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
13	VU MANH HAI	TD1	28	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN NINH	TD1	22	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM DINH TUAN	TD1	32	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
16	CAO DAC DAN	TD1	26-27	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
17	MAI DINH KHANG	TD1	34	1	5		50	CODIEN	Vietnamese
18	LE ANH TUAN	TD1	30	1	5		69	CODIEN	Vietnamese
19	LE MINH SY	TD1	24-25	2	9		69	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN KHANH HUNG	TD1	23	1	8		64	CODIEN	Vietnamese
21	LE MANH HUNG	TD1	29	1	10		68	ANTOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	0	0	0	0	15	0	1	CHUYEN 1 PAX TTC3 SANG P8
2	P8	3	3	16	190	20	2		
3	TD1	18	21	123	1.222	128	20		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>24</b>	<b>139</b>	<b>1.412</b>	<b>163</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>139</b>	<b>1.412</b>	<b>163</b>			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2018	TO: TD3 - CTK3 - P3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - NNam	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO HOÀI THANH	TD3	40	1	4		75	DVL	Vietnamese
2	DUONG QUOC VU	CTK3				12	70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	29	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO SY ĐUC	CTK3	28	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET VAN	CTK3	32	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MINH HOAT	CTK3	30-31	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN HUNG	CTK3	34	1	4	5	70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN BA KHOA	CTK3	33	1	5	12	60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MINH THANG	P3	29-30	2	11	12	64	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VAN THONG	P3	28	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
11	HA THAI QUOC	P3	31	1	5		72	XAYLAP	Vietnamese
12	LA TUAN LINH	P3	33-34	2	14	50	70	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI CONG THANH	P3	32	1	13		77	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	1	1	4	75	0	7		
2	CTK3	7	7	35	498	29	7		
3	P3	5	7	55	357	62	7		
<b>TOTAL</b>		<b>13</b>	<b>15</b>	<b>94</b>	<b>930</b>	<b>91</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>94</b>	<b>930</b>	<b>91</b>			

GRAND TOTAL: 1.115 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2018	TO: P4 - PPD - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VU HUNG	P4	05	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN KIM CUONG	P4	04	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
3	BUI SON HAI	P4	13	1	3		67	D-HANH	Vietnamese
4	POROMORENKO	P4	09	1	9		87	D-HANH	Russian
5	KRAPIVKA	P4	08	1	3		87	D-HANH	Russian
6	HUYNH HUU THANG	P4	06	1	7		65	D-HANH	Vietnamese
7	BAEV	P4					84	D-HANH	Russian
8	LUU QUOC NHAT	P4	03	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
9	SAVELEV	P4	10	1	9		110	D-HANH	Russian
10	PHAN VAN THINH	P4	02	1	4		72	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG THANG	P4					75	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN DUNG	P4	11-12	2	10		62	D-HANH	Vietnamese
13	PHAM ANH TUAN	P4	01	1	2		60	PVE	Vietnamese
14	TRAN PHUC NGUYEN	PPD	58-59	2	12	22	83	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LOI	PPD	64-65	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN MINH DUNG	PPD	57	1	17		64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THE	PPD	55	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
18	LE DINH DO	PPD	60-61	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM HONG PHUC	PPD	62-63	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VIET DUC	PPD	66	1	10	15	65	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN TRUONG GIANG	PPD	56	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG HUY	PPD	68	1	10	14	55	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	12	61	959	0	4		
2	PPD	9	13	123	573	51	11		
3	BK14	0	0	0	0	10	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>184</b>	<b>1.532</b>	<b>61</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>184</b>	<b>1.532</b>	<b>61</b>			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	424	RP3+P5+P7	7:25	21+1+0	0+0+0		14+1+1	0+0+0	CHUYỂN 7 PAX TỪ P5-P7
2	406	TD3+PPD+TD2	7:25	2+10+10	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
3	426	JS2+VSP02	7:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
4	424	TD2+MRM	9:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
5	406	PPD+P4	9:25	14+8	0+0		7+15	0+0	
6	426	RP3+JS2+P4	9:25	8+6+8	0+0+0		0+8+14	0+0+0	

TTĐBSX



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2018	TO: RP3 - P5 - P7	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - MTHĂNG - DSON -	ETA: 09:20
VANG-1		THAO	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG NAM	RP3	48	1	4		80	KHI	Vietnamese
2	TU NGOC HAI	RP3	37-38	2	8		73	KHI	Vietnamese
3	LE HOANG ANH	RP3	55	1	3		64	KHI	Vietnamese
4	BUI VAN PHU	RP3	35	1	5		69	KHI	Vietnamese
5	KPYLOV D.A	RP3	25	1	10	10	104	KHI	Russian
6	NGUYEN THANH HA	RP3	39	1	4	26	79	KHI	Vietnamese
7	ĐANG HUY KHANH	RP3	34	1	7		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN HAI SANG	RP3	41	1	3		57	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TAT THANH	RP3	49	1	5		60	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BINH	RP3	40	1	3		63	KHI	Vietnamese
11	CHAN CHING KAI	RP3	32-33	2	18		69	KHI	Singapore
12	NGUYEN THANH HOA	RP3	46	1	11		55	KHI	Vietnamese
13	PHAM MANH TRUNG	RP3	54	1	7		96	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN ANH SON	RP3	50	1	7		62	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN THANH NAM	RP3	52-53	2	10		60	KHI	Vietnamese
16	VU NGOC TUAN	RP3	45	1	5		80	KHI	Vietnamese
17	ĐOAN VAN TRUC	RP3	43	1	6		64	KHI	Vietnamese
18	PHAM HONG THAI	RP3	42	1	3		66	KHI	Vietnamese
19	BUI ĐANG TIEN	RP3	36	1	12		69	KHI	Vietnamese
20	PHAM ĐUC TOAN LỘC	RP3	44	1	10		79	KHI	Vietnamese
21	LUONG VAN BAC	RP3	51	1	3		69	KHI	Vietnamese
22	ĐAO XUAN THANH	P5	69-70	2	15	20	66	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	24	144	1.493	36	14		CHUYEN 07 PAX TU P5 SANG P7
2	P5	1	2	15	66	20	1		
3	P7	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>159</b>	<b>1.559</b>	<b>56</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>159</b>	<b>1.559</b>	<b>56</b>			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNII REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2018	TO: TD3 - PPD - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - CHIẾN - Năm	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN THĂNG	TD3	66-67	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HỮU HUNG	TD3	65	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	71	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	77	1	5		92	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	PPD	72	1	5		62	KHI	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUẤN	PPD	76	1	4		70	KHI	Vietnamese
7	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	74	1	5		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	79-80	2	17		62	KHI	Vietnamese
9	HÀ THÈ BAO	PPD	78	1	10		70	KHI	Vietnamese
10	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	73	1	5		65	KHI	Vietnamese
11	LÊ HỒNG PHONG	PPD	75	1	5		80	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG PHÚC THĂNG	PPD					75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI	TD2	44	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
14	GROMOV S.A	TD2	43	1	12		85	KHOAN	Russian
15	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	40-41	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRƯƠNG THANH TÙNG	TD2	47	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
18	BUI TRUNG THO	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ ANH QUÂN	TD2	48	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	42	1	3	105	55	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	39	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN THĂNG	TD2	45-46	2	16		75	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	2	3	27	150	0	0		
2	PPD	10	10	61	725	0	12		
3	TD2	10	10	63	709	105	10		
TOTAL		22	23	151	1.584	105	22		
WEIGHT KG				151	1.584	105			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-Apr-18	TO: JS2 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vậ - MMinh - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG CUÔNG	JS2	68	1	12	5	80	KHOAN	Vietnamese
2	VO TA MAU	JS2	59	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
3	DO DUC MANH	JS2	57	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN THE	JS2	94-95	2	15		69	KHOAN	Vietnamese
5	BUI VAN CHUONG	JS2	56	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
6	LE QUOC TRUNG	JS2	54	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUC	JS2	62	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
8	BUI NGOC TU	JS2	70	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM HUU BA	JS2	65	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM MINH NGOC	JS2	66	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MANH HUNG	JS2	73	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
12	TA NGOC HA	JS2	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	DANG VAN THUC	JS2	63	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC BAO TU	JS2	55	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG QUOC VIET	JS2	93	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHUC	JS2	58	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
17	BUI ANH DUC	JS2	64	1	16		65	KHOAN	Vietnamese
18	LE TRAN HUNG	JS2	60	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
19	BUI CAO HUY	JS2	61	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
20	LE QUYET THANG	JS2	71-72	2	20		67	KHOAN	Vietnamese
21	LE MANH HUNG	JS2	67	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
22	NG. XUÂN LANH	VSP02	87	1	10	20	65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	21	23	179	1.448	5	20		
2	VSP02	1	1	10	65	20	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>189</b>	<b>1.513</b>	<b>25</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>189</b>	<b>1.513</b>	<b>25</b>			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2018	TO: TD2 - MRM	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - MTHĂNG - DSON -	ETA: 11:20
VANG-2		THẢO	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH HAI	TD2	69	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
2	VU XUAN TRUONG	TD2	87	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	LE TRUONG LAM	TD2	94	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
4	NGO VAN HUY	TD2	86	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGO THUAN THANH	TD2	92-93	2	11		72	KHOAN	Vietnamese
6	VU HUU KE	TD2	95-96	2	13		80	KHOAN	Vietnamese
7	CAN DINH HUNG	TD2	300	1	7		60	NHA THAU	Vietnamese
8	BABUSHEV	TD2	88	1	5		90	ANTOAN	Russian
9	NGUYEN HUU TRIET	TD2	89	1	10		64	DVL	Vietnamese
10	DO TRONG HIEN	TD2	91	1	10		71	DVL	Vietnamese
11	DOAN VAN LAN	TD2	98	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
12	DANG VAN BIEN	TD2	68	1	5		62	GETRACO	Vietnamese
13	TRAN VAN CHINH	TD2	90	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
14	DANG QUOC KHANH	TD2	97	1	4		56	GETRACO	Vietnamese
15	TRAN DUC THE	TD2	99	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
16	DAO VAN YEN	MRM	25	1	11		65	DVL	Vietnamese
17	PHAM XUAN HUNG	MRM	21	1	10		68	DVL	Vietnamese
18	TANG TIEN TOAN	MRM	23	1	10		85	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN THIEU BINH	MRM	14	1	10	15	57	DVL	Vietnamese
20	PHAM VAN SANG	MRM	19-20	2	12		68	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN MINH THAO	MRM	22	1	15		68	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN TRUONG SINH	MRM	24	1	7		75	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	17	93	1.019	0	15		
2	MRM	7	8	75	486	15	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>168</b>	<b>1.505</b>	<b>15</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>168</b>	<b>1.505</b>	<b>15</b>			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

# FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2018	TO: PPD - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Năm - CHIẾN - Năm	ETA: 11:10
Xanh 2			

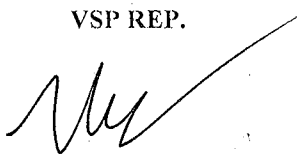
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOAN VIET DIEP	PPD	88	1	9		63	KHI	Vietnamese
2	BUI NGOC HUONG	PPD	87	1	5		65	KHI	Vietnamese
3	VU VAN CHIEN	PPD	82	1	4		69	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC ANH	PPD	90	1	6		70	KHI	Vietnamese
5	NGHIEM XUAN MINH	PPD	85-86	2	6		63	KHI	Vietnamese
6	TRUONG HAI HA	PPD	89	1	4		68	KHI	Vietnamese
7	DAO ANH TUAN	PPD	96	1	5	40	60	KHI	Vietnamese
8	LE HUY VINH	PPD	81	1	5		63	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	84	1	2		55	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HAI	PPD	12-13	2	15	75	65	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN THANH BINH	PPD	95	1	11	110	67	KHI	Vietnamese
12	DO XUAN LOI	PPD	94	1	6		79	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HA	PPD	83	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH TRUNG	P4	49-50	2	9		67	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN DUC HANH	P4					70	KHI	Vietnamese
16	BUI THANH AN	P4	55	1	5		64	KHI	Vietnamese
17	TRINH XUAN HUYEN	P4	54	1	3		72	KHI	Vietnamese
18	PHAM HUU THO	P4	52	1	5		80	KHI	Vietnamese
19	NGO VAN HA	P4	48	1	3		72	KHI	Vietnamese
20	DO DUC LONG	P4	51	1	2		49	KHI	Vietnamese
21	HOANG VAN HUNG	P4	53	1	3		68	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	15	84	854	225	7		
2	P4	8	8	30	542	0	15		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>23</b>	<b>114</b>	<b>1.396</b>	<b>225</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>114</b>	<b>1.396</b>	<b>225</b>			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

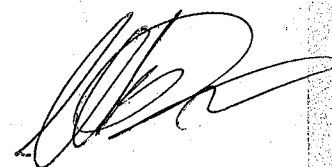
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2018	TO: RP3 - JS2 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - Luy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG THANH SON	RP3	63	1	10		60	KHI	Vietnamese
2	PHAN VĂN SỸ	RP3	62	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	PHẠM QUYẾT TIẾN	RP3	70	1	7		72	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THAI	RP3	69	1	10		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC HAI	RP3	64	1	5		60	KHI	Vietnamese
6	ĐỖ ĐỨC ANH	RP3	61	1	10	46	80	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC QUÂN	RP3	60	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY BÌNH	RP3	65	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	HỒ QUỐC CUONG	JS2	46	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
10	DINH CAO CUONG	JS2	47	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH VAN TRUNG	JS2	48-49	2	15		90	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN THU	JS2	44	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEU	JS2	42-43	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM HUU HUAN	JS2	45	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	17	1	4		60	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG KIEM	P4	20	1	5		80	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ANH	P4	21	1	10	30	60	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH GIAP	P4	19	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	LÊ VĂN HUƠNG	P4	16	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	22	1	5		80	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN QUÝ TÂN	P4	14-15	2	10		72	DK9	Vietnamese
22	BUI SONG TOAN	P4	18	1	5		75	DK9	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	8	8	62	562	46	0		
2	JS2	6	8	63	415	0	8		
3	P4	8	9	49	567	30	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>174</b>	<b>1.544</b>	<b>76</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>174</b>	<b>1.544</b>	<b>76</b>			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN